

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

14 TXĐK
03 CK

Môn học : Thuế - MH1104040

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100123	Đặng Tấn Huy	14/06/2004	C24TC1		7.0	Bảy, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày: 01 tháng 6 năm 2025

Ngày: 29 tháng 5 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Đỗ Phi Hòa

Nguyễn Tiến Dũng

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 24311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100123	Đặng Tấn Huy	14/06/2004	C24TC1		7,0	Bảy, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 4...tháng 7...năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Tấn Thị Hoa

Ngày 3...tháng 7...năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đình Dũng

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 24311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100053	Nguyễn Lê Tú Trần	21/02/2004	C24QT1		8,0	Trần, Tú	✓

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 01 tháng 6 năm 2025 .

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 24311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100053	Nguyễn Lê Tú Trân	21/02/2004	C24QT1		70	Bảy, Không	12

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày. 4..tháng 7..năm 2025 ,

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

Ngày. 3..tháng 7..năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đình Dũng

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 24311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100068	Hứa Nhật Huy	20/01/2004	C24QT2		7.0	Bảy, không	L2
2	2210100059	Trương Minh Kha	23/04/2004	C24QT2		7.0	Bảy, không	L2

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 0 . Số bài thi: 02 / 02 .

Ngày 07 tháng 6 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 07 tháng 5 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 24311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100068	Hứa Nhật Huy	20/01/2004	C24QT2		7.0	Bảy, không	L2
2	2210100059	Trương Minh Kha	23/04/2004	C24QT2		7.0	Bảy, không	L2

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 0 . Số bài thi: 02 / 02 .

Ngày 4 tháng 7 năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

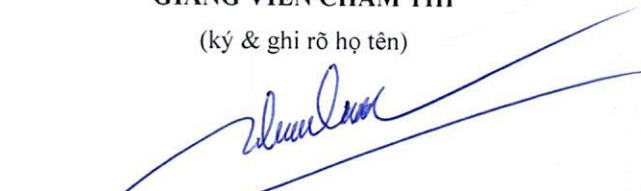
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phú Hòa

Ngày 3 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Tiến Dũng

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 24311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chọn	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110019	Lữ Việt	Chọn	19/03/2005	C25KT1		9,5	Chín, năm	h2
2	2310110014	Nguyễn Thị Hồng	Gám	21/03/2005	C25KT1		8,0	Tám, không	
3	2310110017	Nguyễn Ngọc	Hiền	22/03/2005	C25KT1		8,0	Tám, không	
4	2310110018	Huỳnh Ngọc Mai	Khanh	03/10/2005	C25KT1		8,0	Tám, không	
5	2310110001	Lê Chí	Miền	19/03/2002	C25KT1		7,0	Bảy, không	
6	2310110023	Lê Hồng	Ngọc	26/10/2005	C25KT1		9,0	Chín, không	
7	2310110012	Hồ Hoàng Nhựt	Thái	10/12/2005	C25KT1		8,0	Tám, không	
8	2310110020	Đinh Thị Xuân	Thư	17/02/2005	C25KT1		7,0	Bảy, không	
9	2310110010	Phạm Thị Anh	Thư	11/12/2005	C25KT1		6,0	Sáu, không	
10	2310110025	Nguyễn Lê Thiên	Trang	18/03/2005	C25KT1		7,0	Bảy, không	
11	2310110009	Lê Thị Bích	Trâm	19/11/2005	C25KT1		9,0	Chín, không	
12	2310110011	Phạm Phương	Trâm	14/12/2005	C25KT1		9,0	Chín, không	
13	2310110021	Phạm Thị Bích	Trâm	14/07/2005	C25KT1		6,0	Sáu, không	
14	2310110003	Dương Thanh	Tuyền	14/09/2001	C25KT1		7,0	Bảy, không	
15	2310110005	Nguyễn Thúy	Vy	27/12/2005	C25KT1		8,0	Tám, không	
16	2310110004	Huỳnh Thị Phi	Yến	18/03/2001	C25KT1		8,0	Tám, không	
17	2310110015	Nguyễn Thị Phi	Yến	27/12/2005	C25KT1		7,0	Bảy, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đồng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 17 vắng thi: 0 Số bài thi: 17 / 17

Ngày 01 tháng 06 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 01 tháng 05 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 24311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chọn	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110019	Lữ Việt	Chọn	19/03/2005	C25KT1	Chuan	9,5	Chín, năm	L2
2	2310110014	Nguyễn Thị Hồng	Gám	21/03/2005	C25KT1	Ngoc	7,0	Bảy, không	
3	2310110017	Nguyễn Ngọc	Hiền	22/03/2005	C25KT1	Hiền	7,0	Bảy, không	
4	2310110018	Huỳnh Ngọc Mai	Khanh	03/10/2005	C25KT1	Khanh	7,0	Bảy, không	
5	2310110001	Lê Chí	Miền	19/03/2002	C25KT1	Miền	7,0	Bảy, không	
6	2310110023	Lê Hồng	Ngọc	26/10/2005	C25KT1	Ngoc	8,0	Tám, không	
7	2310110012	Hồ Hoàng Nhựt	Thái	10/12/2005	C25KT1	Thai	8,0	Tám, không	
8	2310110020	Đinh Thị Xuân	Thư	17/02/2005	C25KT1	Thư	6,5	Sáu, năm	
9	2310110010	Phạm Thị Anh	Thư	11/12/2005	C25KT1	Thư	7,0	Bảy, không	
10	2310110025	Nguyễn Lê Thiên	Trang	18/03/2005	C25KT1	Anne	7,0	Bảy, không	
11	2310110009	Lê Thị Bích	Trâm	19/11/2005	C25KT1	Thư	9,0	Chín, không	
12	2310110011	Phạm Phương	Trâm	14/12/2005	C25KT1	Tram	8,0	Tám, không	
13	2310110021	Phạm Thị Bích	Trâm	14/07/2005	C25KT1	Tram	7,0	Bảy, không	
14	2310110003	Dương Thanh	Tuyền	14/09/2001	C25KT1	Tuyen	7,0	Bảy, không	
15	2310110005	Nguyễn Thúy	Vy	27/12/2005	C25KT1	Vy	7,0	Bảy, không	
16	2310110004	Huỳnh Thị Phi	Yến	18/03/2001	C25KT1	Phuoc	7,0	Bảy, không	
17	2310110015	Nguyễn Thị Phi	Yến	27/12/2005	C25KT1	Phuoc	7,0	Bảy, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 17 vắng thi: 0 Số bài thi: 17 / 17.

Ngày: 4...tháng 7...năm...2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

Ngày: 3...tháng 7...năm...2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 24311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100089	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Duy	16/05/2005	C25QT3	Duy	7,0	Bảy, không	L2
2	2310100084	Phạm Cẩm	Đạt	15/12/2003	C25QT3	Đạt	7,0	Bảy, không	
3	2310040043	Phan Xuân	Khôi	02/11/2005	C25QT3	khôi	9,0	Chín, không	
4	2310100074	Bạch Thị Thu	Ngân	27/11/2005	C25QT3				
5	2310100082	Đinh Thị Xuân	Nghi	07/06/2005	C25QT3	Nghi	8,0	Tám, không	
6	2310100079	Nguyễn Khánh	Ngọc	01/12/2005	C25QT3	Kh	7,0	Bảy, không	
7	2310100073	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	10/07/2005	C25QT3	Kim	7,0	Bảy, không	
8	2310100091	Phạm Hoàng Tuyết	Ngọc	18/12/2004	C25QT3	Ph	7,0	Bảy, không	
9	2310100080	Đặng Trần Hoàng	Phước	12/11/1999	C25QT3	Ph	6,0	Sáu, không	L2
10	2310100075	Nguyễn Đình	Quý	28/01/2004	C25QT3	Duy	6,0	Sáu, không	L2
11	2310100083	Trừ Thị Cẩm	Tiên	17/02/2005	C25QT3	Cao	6,0	Sáu, không	
12	2310100072	Nguyễn Việt	Tiến	01/01/2005	C25QT3				L2
13	2310100081	Hồ Bảo	Trân	10/06/2005	C25QT3	Trân	6,0	Sáu, không	
14	2310100085	Nguyễn Ngọc Phương	Trình	02/12/2005	C25QT3	Ph	6,0	Sáu, không	
15	2310100077	Nguyễn Thị Thanh	Vy	15/05/2005	C25QT3	Th	8,0	Tám, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 13 vắng thi: 02 . Số bài thi: 13 / 13 .

Ngày 07 tháng 6 năm 2025 .

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Fern

Ngày 07 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 24311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100089	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Duy	16/05/2005	C25QT3	Duy	6,5	Sáu, năm	L2
2	2310100084	Phạm Cẩm	Đạt	15/12/2003	C25QT3	Đạt	6,5	Sáu, năm	
3	2310040043	Phan Xuân	Khôi	02/11/2005	C25QT3	Phan	9,0	Chín, kỳ	
4	2310100074	Bạch Thị Thu	Ngân	27/11/2005	C25QT3				
5	2310100082	Đinh Thị Xuân	Nghi	07/06/2005	C25QT3	Nghi	8,0	Tám, kỳ	
6	2310100079	Nguyễn Khánh	Ngọc	01/12/2005	C25QT3	Ngọc	7,0	Bảy, kỳ	
7	2310100073	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	10/07/2005	C25QT3	Kim	7,0	Bảy, kỳ	
8	2310100091	Phạm Hoàng Tuyết	Ngọc	18/12/2004	C25QT3	Phạm	7,0	Bảy, kỳ	
9	2310100080	Đặng Trần Hoàng	Phước	12/11/1999	C25QT3	Phước	7,0	Bảy, kỳ	L2
10	2310100075	Nguyễn Đình	Quý	28/01/2004	C25QT3	Quý	7,0	Bảy, kỳ	L2
11	2310100083	Trù Thị Cẩm	Tiên	17/02/2005	C25QT3	Cẩm	7,0	Bảy, kỳ	
12	2310100072	Nguyễn Việt	Tiến	01/01/2005	C25QT3				L2
13	2310100081	Hồ Bảo	Trân	10/06/2005	C25QT3	Trân	7,0	Bảy, kỳ	
14	2310100085	Nguyễn Ngọc Phương	Trình	02/12/2005	C25QT3	Trình	7,0	Bảy, kỳ	
15	2310100077	Nguyễn Thị Thanh	Vy	15/05/2005	C25QT3	Thanh	7,0	Bảy, kỳ	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 13 vắng thi: 02 . Số bài thi: 13 / 13 .

Ngày 9...tháng 7...năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

Ngày 9...tháng 7...năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đình Dũng

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 24311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Cấp	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100040	Tăng Thị Hồng	Cấp	16/07/2004	C25QT2	Cam	7,0	Bảy, không	
2	2310100044	Hồ Như	Huỳnh	15/02/2005	C25QT2	huynh	6,0	Sáu, không	
3	2310100064	Cao Thị Ngọc	Linh	11/02/2005	C25QT2	linh	7,0	Bảy, không	
4	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh	Linh	16/11/2005	C25QT2	linh	7,0	Bảy, không	
5	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	27/07/2005	C25QT2	ph	7,0	Bảy, không	
6	2310100066	Phạm Thị Yến	Linh	31/05/2005	C25QT2	linh	7,0	Bảy, không	
7	2310100046	Trương Ngọc Thị Tú	Mai	11/12/2005	C25QT2				
8	2310100067	Huỳnh Bạch Kiều	Nga	29/11/2005	C25QT2	nga	7,0	Bảy, không	
9	2310100043	Trần Bửu	Nhân	01/08/2005	C25QT2	BH	6,5	Sáu, năm	
10	2310100053	Hoàng Thị Tú	Nhi	20/08/2004	C25QT2	tk	7,0	Bảy, không	
11	2310100042	Hữu Thị Hồng	Nhi	15/02/2005	C25QT2	thhi	7,0	Bảy, không	
12	2310100061	Hà Nguyễn Tấn	Phát	02/06/2005	C25QT2	ph	7,0	Bảy, không	
13	2310100052	Phạm Thị Diễm	Phước	26/11/2005	C25QT2	phphuc	7,0	Bảy, không	
14	2310100062	Phạm Tiến	Quân	01/09/2005	C25QT2	quan	7,0	Bảy, không	
15	2310100057	Nguyễn Thị Phương	Quyên	26/07/2005	C25QT2	quy	7,0	Bảy, không	
16	2310100054	Phùng Thị Thanh	Thảo	30/05/2005	C25QT2	thao	7,0	Bảy, không	
17	2310100065	Bành Thị Thanh	Thủy	28/01/2005	C25QT2	thuy	8,0	Tám, không	
18	2310100050	Quách Nguyễn Bảo	Trân	18/08/2004	C25QT2				
19	2310100063	Đào Văn	Trung	29/06/2005	C25QT2	trung	7,0	Bảy, không	
20	2310100056	Nguyễn Nhựt	Trường	06/02/2005	C25QT2	trung	9,0	Chín, không	
21	2310100058	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	28/10/2004	C25QT2	tuyet	6,0	Sáu, không	
22	2310100047	Phạm Văn	Tùng	13/11/2005	C25QT2	pham	7,0	Bảy, không	
23	2310100041	Lê Thị Cẩm	Tú	21/03/2005	C25QT2	tu	9,0	Chín, không	
24	2310100059	Lê Triệu	Vy	05/02/2005	C25QT2	trieu	8,0	Tám, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 22 vắng thi: 12. Số bài thi: 22 / 22.

Ngày. 04 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

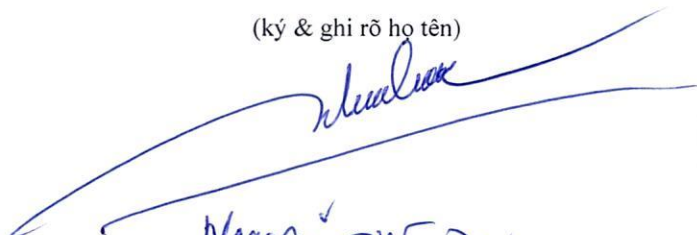


Trần Thị Hòa

Ngày. 05 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Minh Đức

TH
1A
17

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 24311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100040	Tăng Thị Hồng	Cẩm	16/07/2004	C25QT2	<u>Cam</u>	8,0	Tam, Kng	
2	2310100044	Hồ Như	Huỳnh	15/02/2005	C25QT2	<u>huynh</u>	6,0	Sau, Kng	
3	2310100064	Cao Thị Ngọc	Linh	11/02/2005	C25QT2	<u>linh</u>	8,0	Tam, Kng	
4	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh	Linh	16/11/2005	C25QT2	<u>linh</u>	7,0	Bay, Kng	
5	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	27/07/2005	C25QT2	<u>phuc</u>	7,0	Bay, Kng	
6	2310100066	Phạm Thị Yến	Linh	31/05/2005	C25QT2	<u>linh</u>	7,0	Bay, Kng	
7	2310100046	Trương Ngọc Thị Tú	Mai	11/12/2005	C25QT2				L2
8	2310100067	Huỳnh Bạch Kiều	Nga	29/11/2005	C25QT2	<u>nga</u>	8,0	Tam, Kng	
9	2310100043	Trần Bửu	Nhân	01/08/2005	C25QT2	<u>OBH</u>	7,0	Bay, Kng	
10	2310100053	Hoàng Thị Tú	Nhi	20/08/2004	C25QT2	<u>thi</u>	6,5	Sau, nam	
11	2310100042	Hữu Thị Hồng	Nhi	15/02/2005	C25QT2	<u>thi</u>	8,0	Tam, Kng	
12	2310100061	Hà Nguyễn Tấn	Phát	02/06/2005	C25QT2	<u>phat</u>	6,0	Sau, Kng	
13	2310100052	Phạm Thị Diễm	Phước	26/11/2005	C25QT2	<u>Phuoc</u>	7,0	Bay, Kng	
14	2310100062	Phạm Tiến	Quân	01/09/2005	C25QT2	<u>Quen</u>	7,0	Bay, Kng	
15	2310100057	Nguyễn Thị Phương	Quyên	26/07/2005	C25QT2	<u>Quyen</u>	7,0	Bay, Kng	
16	2310100054	Phùng Thị Thanh	Thảo	30/05/2005	C25QT2	<u>thao</u>	8,0	Tam, Kng	
17	2310100065	Bành Thị Thanh	Thủy	28/01/2005	C25QT2	<u>thuy</u>	8,0	Tam, Kng	
18	2310100050	Quách Nguyễn Bảo	Trân	18/08/2004	C25QT2				
19	2310100063	Đào Văn	Trung	29/06/2005	C25QT2	<u>thuy</u>	7,0	Bay, Kng	
20	2310100056	Nguyễn Nhựt	Trường	06/02/2005	C25QT2	<u>trung</u>	9,0	Chun, Kng	
21	2310100058	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	28/10/2004	C25QT2	<u>nguy</u>	6,0	Sau, Kng	
22	2310100047	Phạm Văn	Tùng	13/11/2005	C25QT2	<u>pham</u>	7,0	Bay, Kng	
23	2310100041	Lê Thị Cẩm	Tú	21/03/2005	C25QT2	<u>pham</u>	9,0	Chun, Kng	
24	2310100059	Lê Triệu	Vy	05/02/2005	C25QT2	<u>thuy</u>	8,0	Tam, Kng	

- Lưu ý:**
- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 02 . Số bài thi: 22 / 22 .

Ngày 4 tháng 5 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Hoa.

Ngày 24 tháng 5 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tiến Dũng

TRƯỞNG

1/1/2025

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTĐN

**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thuế - MH1104040

Giám thị 1: Trương Thị Ngọc Thu

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24311MH110404001

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Nguyễn Tiến Dũng

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Giám thị 3: Trần Thị Tuyền

Ký tên: 

Ngày thi: 23/07/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: A1.12

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Cấp	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100040	Tăng Thị Hồng	Cấp	16/07/2004		1	7,0	Ba, đẹp	C25QT2	
2	2310110019	Lữ Việt	Chọn	19/03/2005		1	8,0	Tam, đẹp	C25KT1	
3	2310100084	Phạm Cẩm	Đạt	15/12/2003		1	3,5	Ba, đẹp	C25QT3	
4	2310110014	Nguyễn Thị Hồng	Gấp	21/03/2005		1	3,5	Ba, đẹp	C25KT1	
5	2310110017	Nguyễn Ngọc	Hiện	22/03/2005		1	4,0	Ba, đẹp	C25KT1	
6	2310100062	Phạm Tiến	Quân	01/09/2005		1	3,5	Ba, đẹp	C25QT2	
7	2310100057	Nguyễn Thị Phương	Quyên	26/07/2005		1	3,5	Ba, đẹp	C25QT2	
8	2310100054	Phùng Thị Thanh	Thảo	30/05/2005		1	3,5	Ba, đẹp	C25QT2	
9	2310110012	Hồ Hoàng Nhựt	Thái	10/12/2005		1	6,5	Sáu, đẹp	C25KT1	
10	2310100065	Bành Thị Thanh	Thủy	28/01/2005		1	4,0	Ba, đẹp	C25QT2	
11	2310110020	Đinh Thị Xuân	Thư	17/02/2005		1	1,0	Một, đẹp	C25KT1	
12	2310110010	Phạm Thị Anh	Thư	11/12/2005		1	1,0	Nốt, đẹp	C25KT1	
13	2310110033	Hải Thị Cẩm	Tiên	17/02/2005		1	3,0	Ba, đẹp	C25QT3	
14	2310110025	Nguyễn Lê Thiên	Trang	18/03/2005		1	4,0	Ba, đẹp	C25KT1	
15	2310110009	Lê Thị Bích	Trâm	19/11/2005		1	5,0	Năm, đẹp	C25KT1	
16	2310110011	Phạm Phương	Trâm	14/12/2005		1	6,0	Sáu, đẹp	C25KT1	
17	2310110021	Phạm Thị Bích	Trâm	14/07/2005		1	6,0	Sáu, đẹp	C25KT1	
18	2310100081	Hồ Bảo	Trân	10/06/2005	✓	✓	✓		C25QT3	
19	2310100085	Nguyễn Ngọc Phương	Trình	02/12/2005		1	3,0	Ba, đẹp	C25QT3	
20	2310100063	Đào Văn	Trung	29/06/2005		1	4,0	Ba, đẹp	C25QT2	
21	2310100056	Nguyễn Nhựt	Trường	06/02/2005		1	5,5	Năm, đẹp	C25QT2	
22	2310110003	Dương Thanh	Tuyền	14/09/2001		1	4,0	Ba, đẹp	C25KT1	
23	2310100058	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	28/10/2004	✓	✓	✓		C25QT2	
24	2310100047	Phạm Văn	Tùng	13/11/2005		1	3,5	Ba, đẹp	C25QT2	
25	2310100041	Lê Thị Cẩm	Tú	21/03/2005		1	4,5	Ba, đẹp	C25QT2	
26	2310100059	Lê Triệu	Vy	05/02/2005		1	5,0	Năm, đẹp	C25QT2	
27	2310100077	Nguyễn Thị Thanh	Vy	15/05/2005		1	5,0	Năm, đẹp	C25QT3	
28	2310110005	Nguyễn Thúy	Vy	27/12/2005		1	6,5	Sáu, đẹp	C25KT1	
29	2310110004	Huỳnh Thị Phi	Yến	18/03/2001		1	5,5	Năm, đẹp	C25KT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
30	2310110015	Nguyễn Thị Phi Yến	27/12/2005		1	6,0	Sáu, không	C25KT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 28 vắng thi: 02 . Số bài thi/Số tờ: 28 / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 1...tháng...8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Sơn

Ngày 30 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng



TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTĐN
PHÒNG KHẢO THI VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 24311MH110404001

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Ngày thi: 23/07/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Nguyễn Văn Trinh

Ký tên: 

Giám thị 2: Lê Trung Sơn

Ký tên: 

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100123	Đặng Tấn Huy	14/06/2004		1	5,0	Năm, ký	C24TC1	
2	2310100044	Hồ Như Huỳnh	15/02/2005		1	4,0	Bớt, ký	C25QT2	
3	2310110018	Huỳnh Ngọc Mai Khanh	03/10/2005		1	6,0	Sau, ký	C25KT1	
4	2310040043	Phan Xuân Khôi	02/11/2005		1	6,0	Sau, ký	C25QT3	
5	2310100064	Cao Thị Ngọc Linh	11/02/2005		1	3,5	Ba, năm	C25QT2	
6	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh Linh	16/11/2005		1	5,5	Năm, năm	C25QT2	
7	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương Linh	27/07/2005		1	5,5	Năm, năm	C25QT2	
8	2310100066	Phạm Thị Yến Linh	31/05/2005		1	4,5	Bớt, năm	C25QT2	
9	2310110001	Lê Chí Miên	19/03/2002		1	4,5	Bớt, năm	C25KT1	
10	2310100067	Huỳnh Bạch Kiều Nga	29/11/2005		1	3,0	Ba, ký	C25QT2	
11	2310100082	Đinh Thị Xuân Nghi	07/06/2005		1	4,5	Bớt, năm	C25QT3	
12	2310110023	Lê Hồng Ngọc	26/10/2005		1	3,5	Ba, năm	C25KT1	
13	2310100079	Nguyễn Khánh Ngọc	01/12/2005		✓	✓	✓	C25QT3	
14	2310100073	Nguyễn Thị Kim Ngọc	10/07/2005		1	3,0	Ba, ký	C25QT3	
15	2310100091	Phạm Hoàng Tuyết Ngọc	18/12/2004		1	3,0	Ba, ký	C25QT3	
16	2310100043	Trần Bửu Nhân	01/08/2005		1	3,0	Ba, ký	C25QT2	
17	2310100053	Hoàng Thị Tú Nhi	20/08/2004		1	3,0	Ba, ký	C25QT2	
18	2310100042	Hữu Thị Hồng Nhi	15/02/2005		✓	✓	✓	C25QT2	
19	2310100061	Hà Nguyễn Tấn Phát	02/06/2005		1	4,5	Bớt, năm	C25QT2	
20	2310100052	Phạm Thị Diễm Phước	26/11/2005		1	3,0	Ba, ký	C25QT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 17+1 vắng thi: 03-1 Số bài thi/Số tờ: 17+1 / 17+1.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 01 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phú Hòa

Ngày 30 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Tiến Dũng